



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Đường Quảng Ngãi

Ngày 31/03/2024	49,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.4%	16.6%	7.4%

DT thuần Q1/24
2,522
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 248 10.9%
YoY: ▲ 392 18.4%

LN thuần Q1/24
579
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 87.0 -13.1%
YoY: ▲ 223 62.6%

LN sau thuế Q1/24
532
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 122 -18.7%
YoY: ▲ 215 67.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/24
24.0%
YoY: +/- ▼ 9.1%

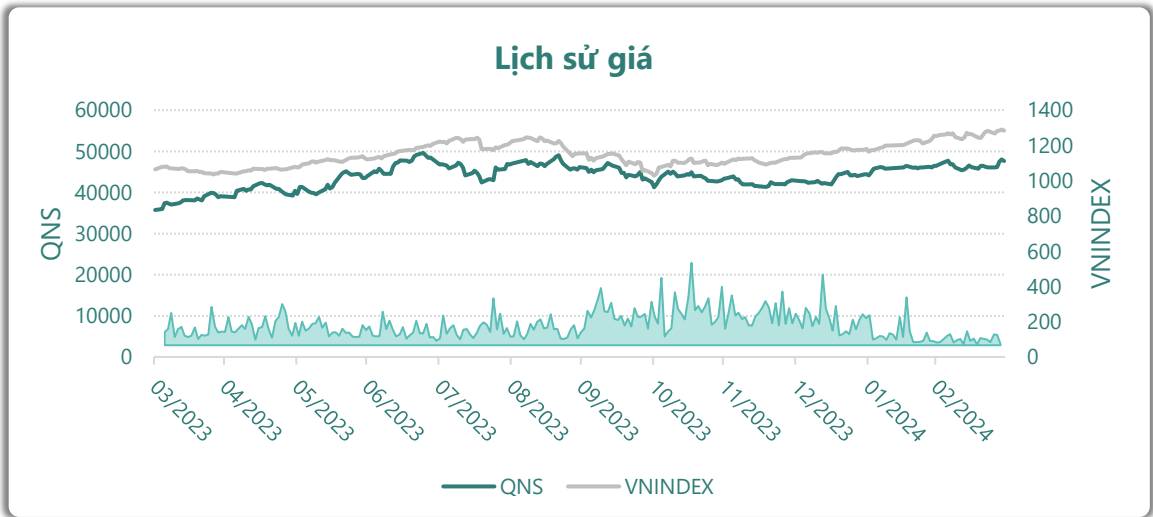
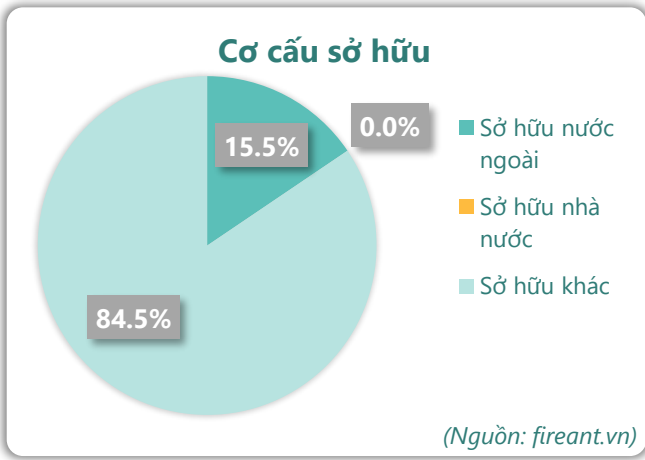
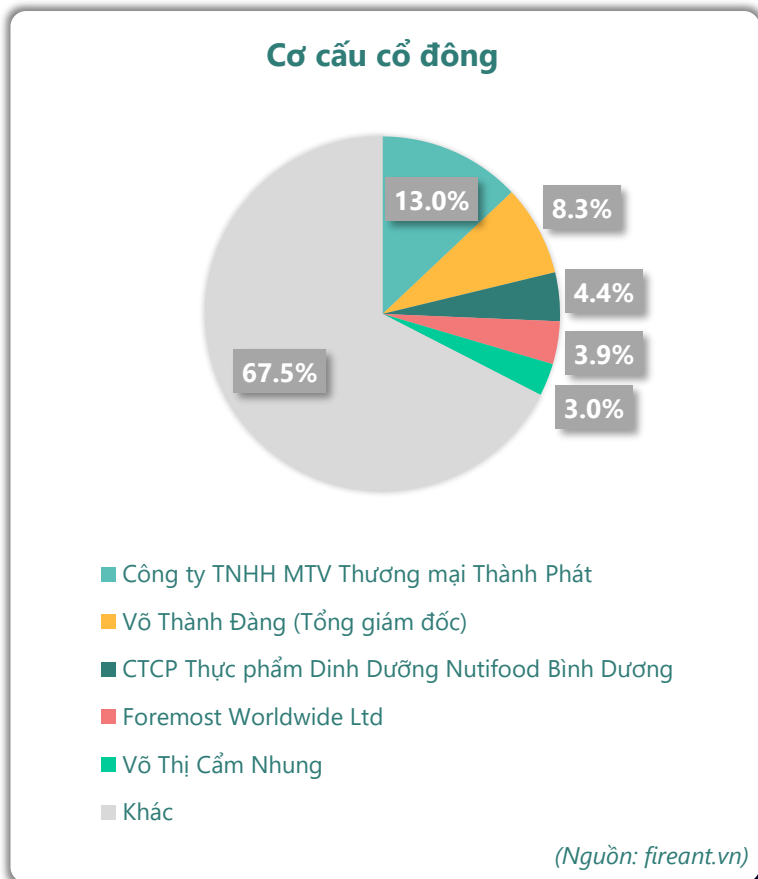
ROE (TTM) Q1/24
29.6%
YoY: +/- ▲ 2.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	35,721 - 49,603
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17,704
Số lượng CPLH (CP)	356,939,955
KLGD BQ 20 phiên (CP)	654,680
Sở hữu nước ngoài	15.5%
Beta	1.27
EPS	6,737
P/E	7.4

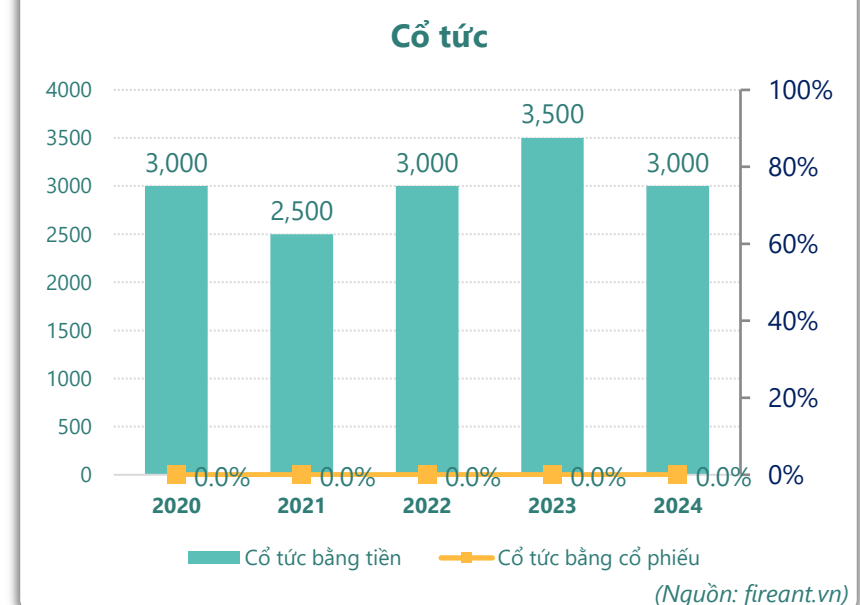
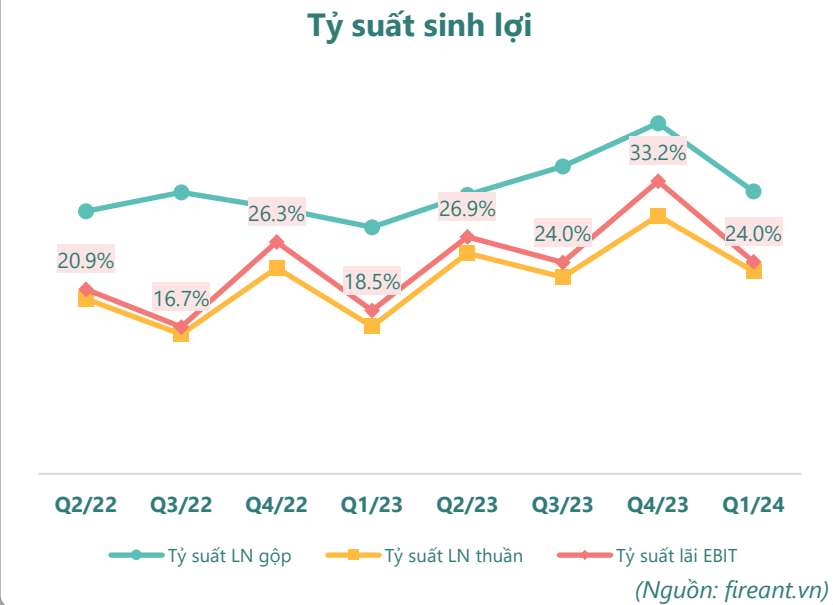
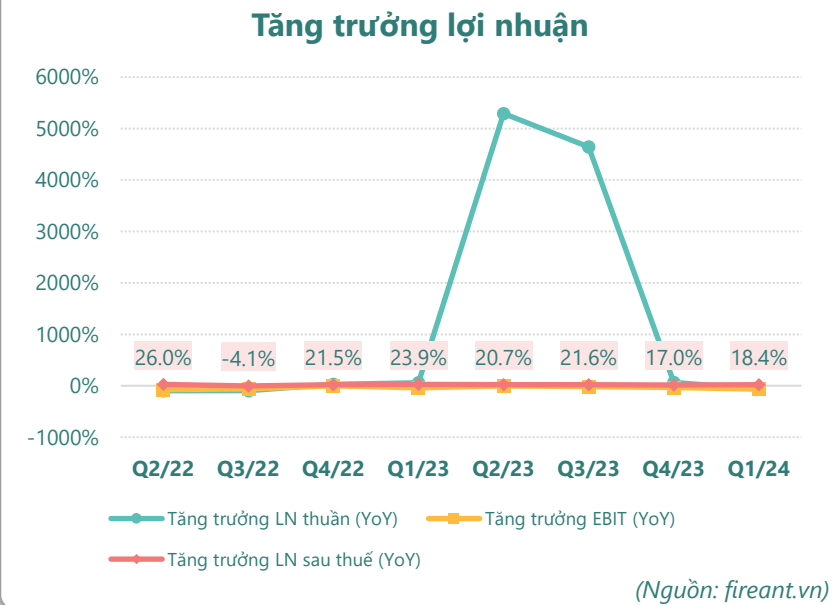
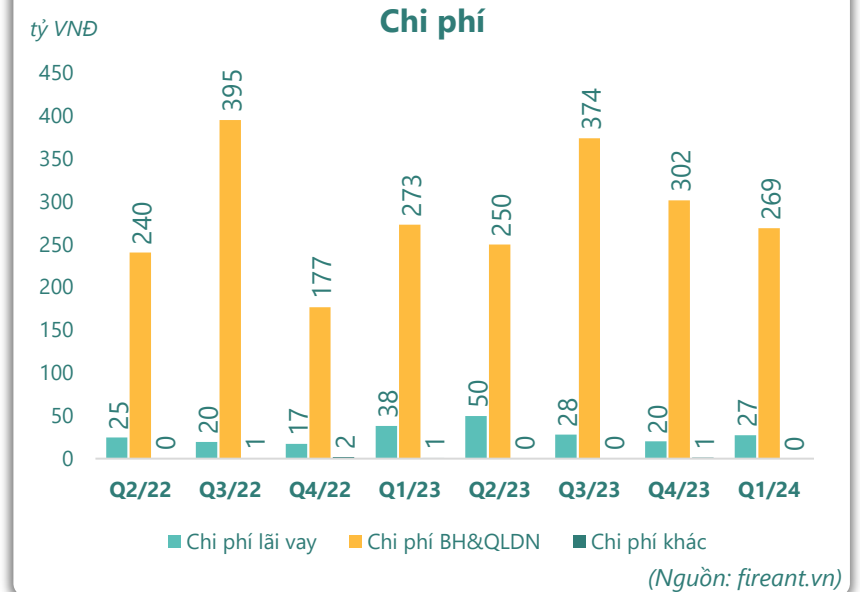
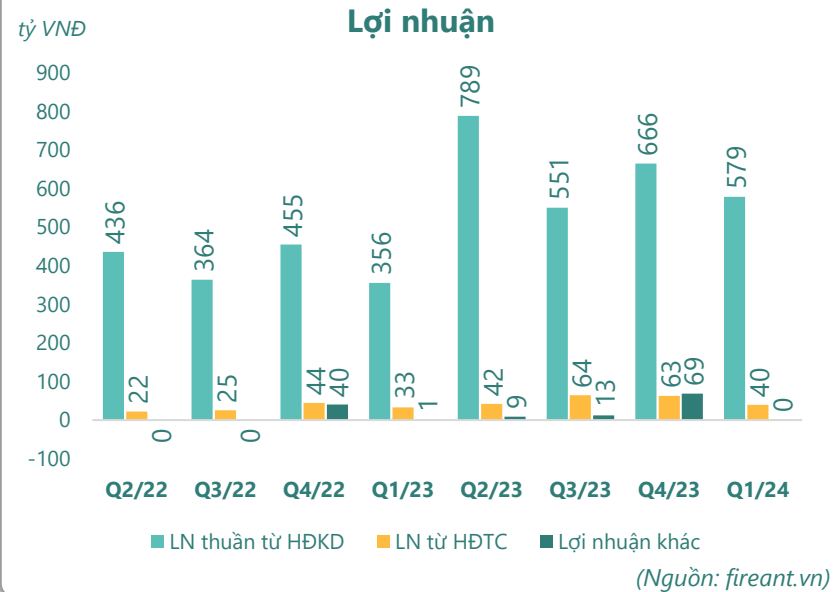
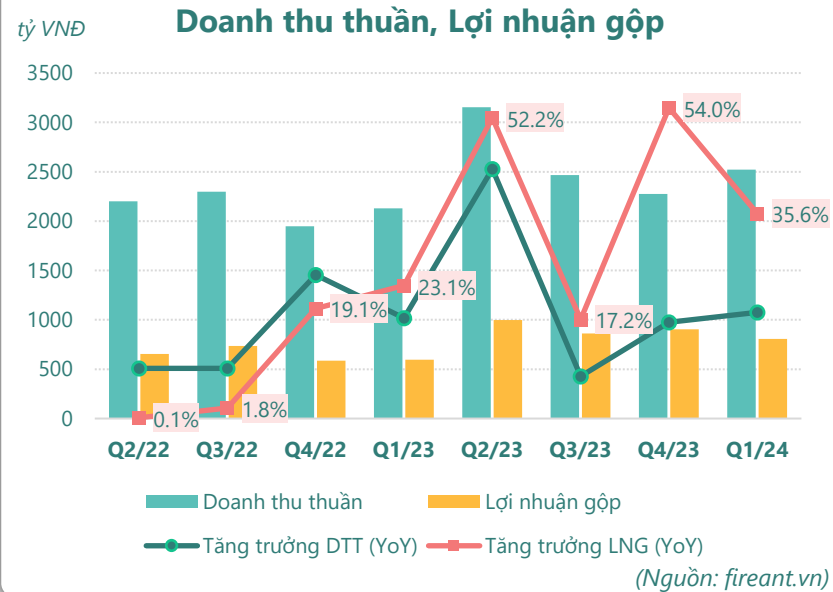
DT thuần 2023
10,021
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,766 21.4%

LN thuần 2023
2,356
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 890 60.7%

LN sau thuế 2023
2,183
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 896 69.7%



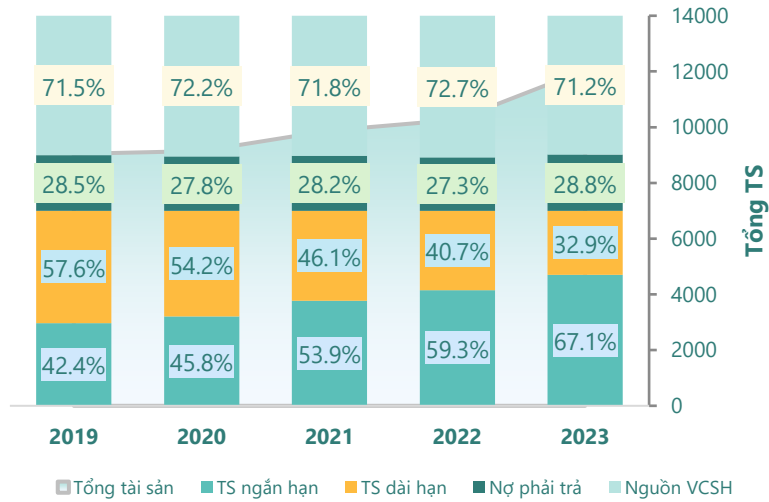
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

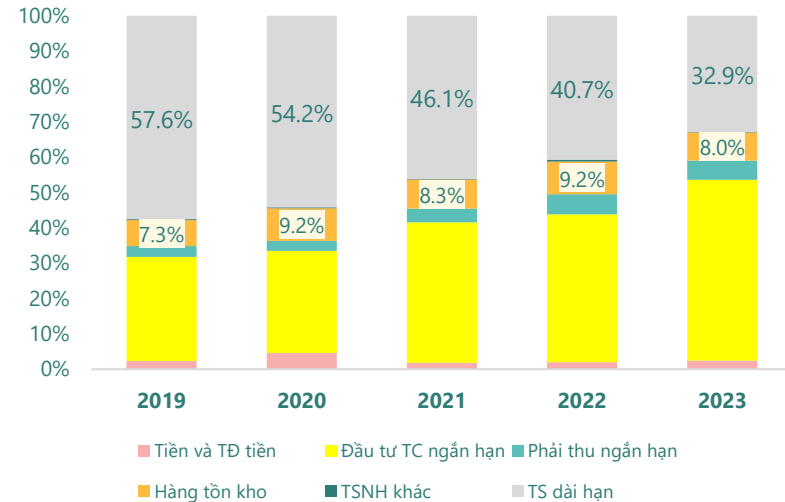
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

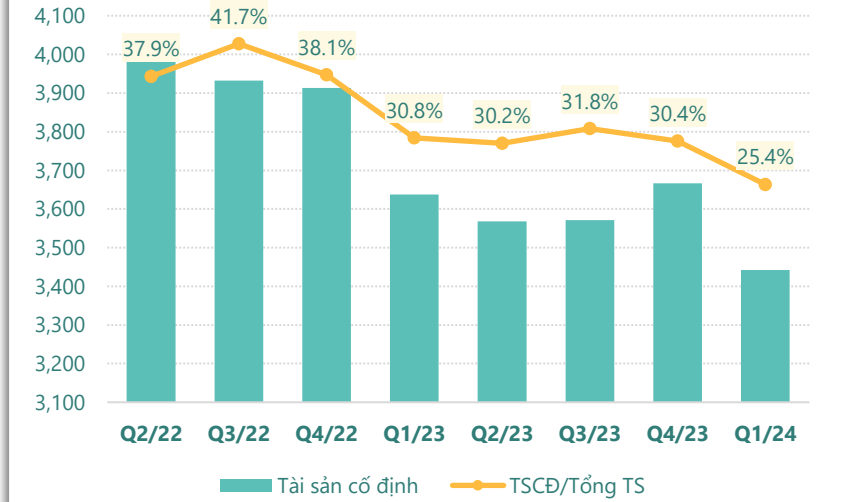
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

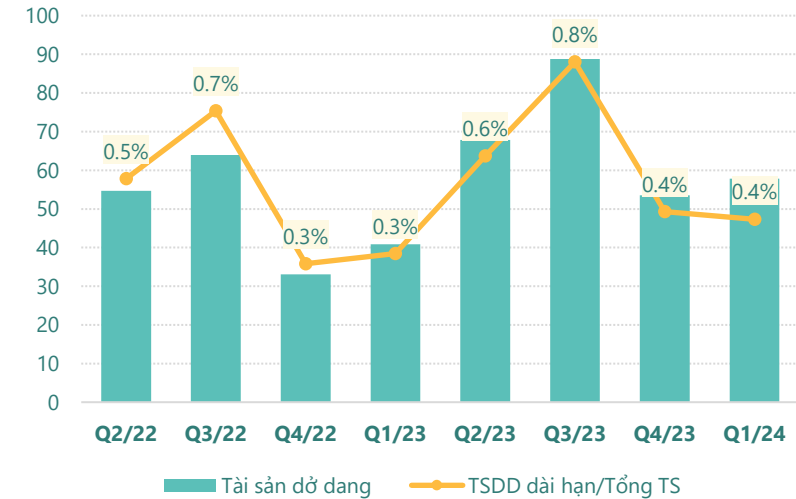
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

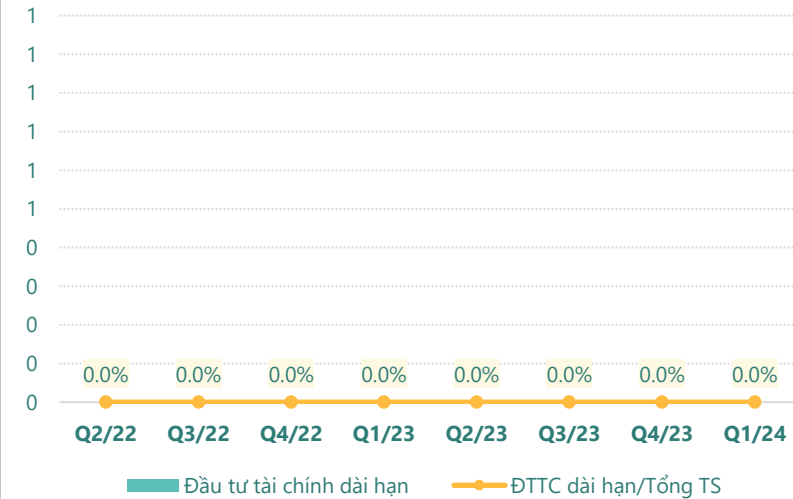
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

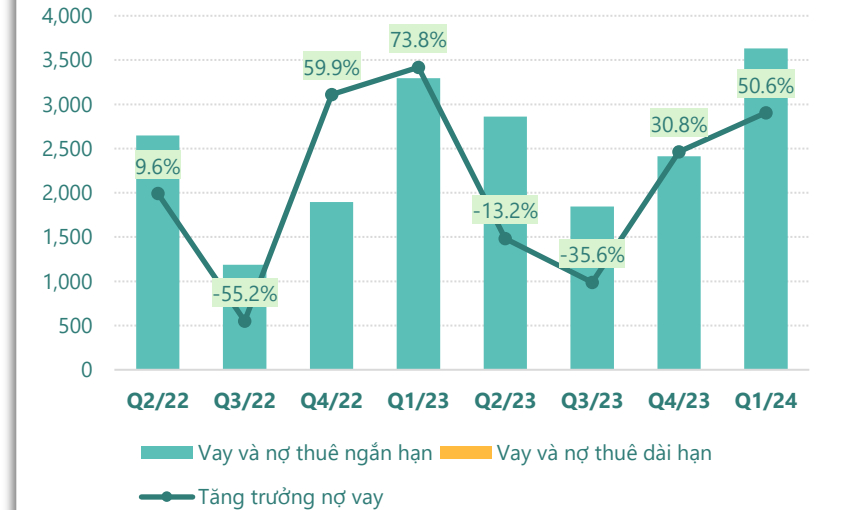
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

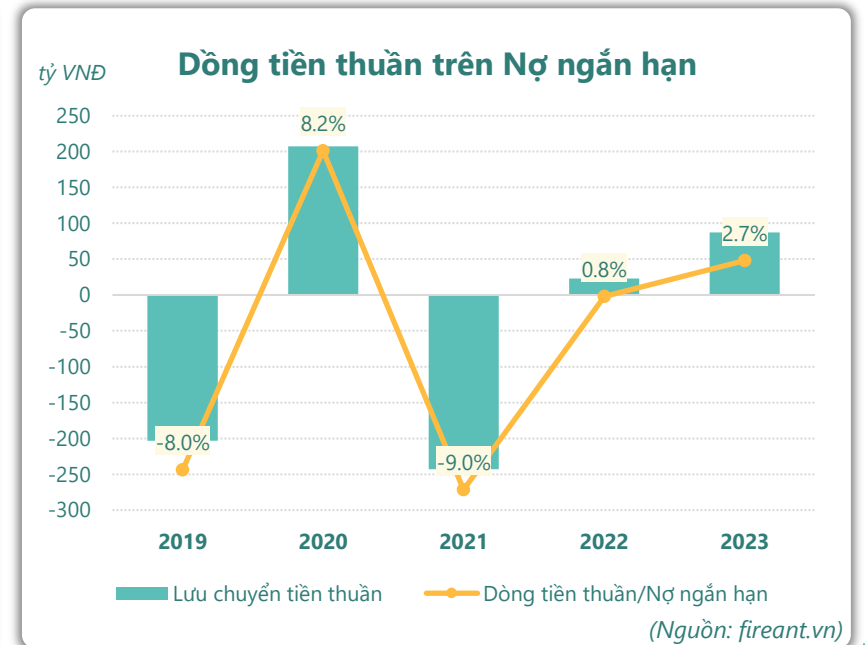
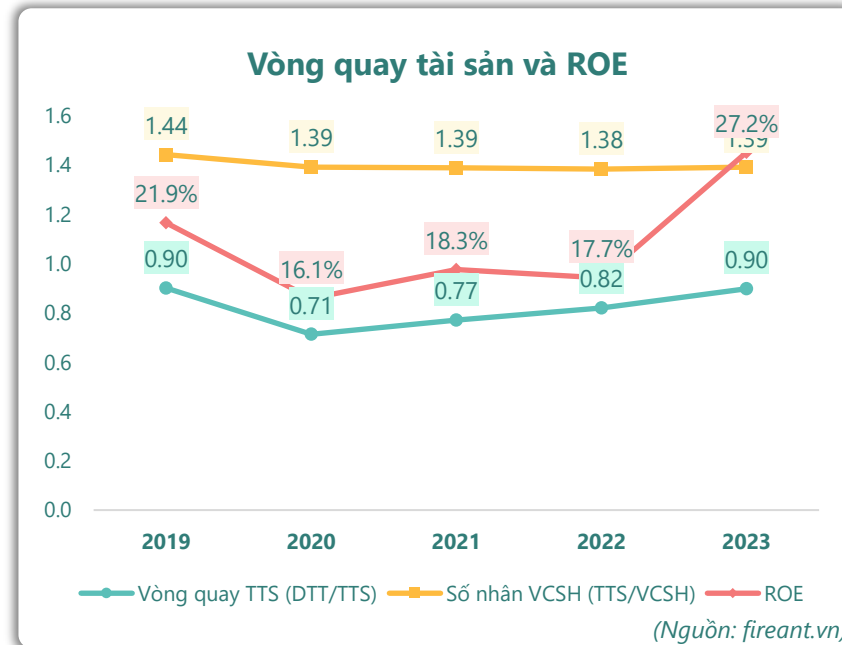
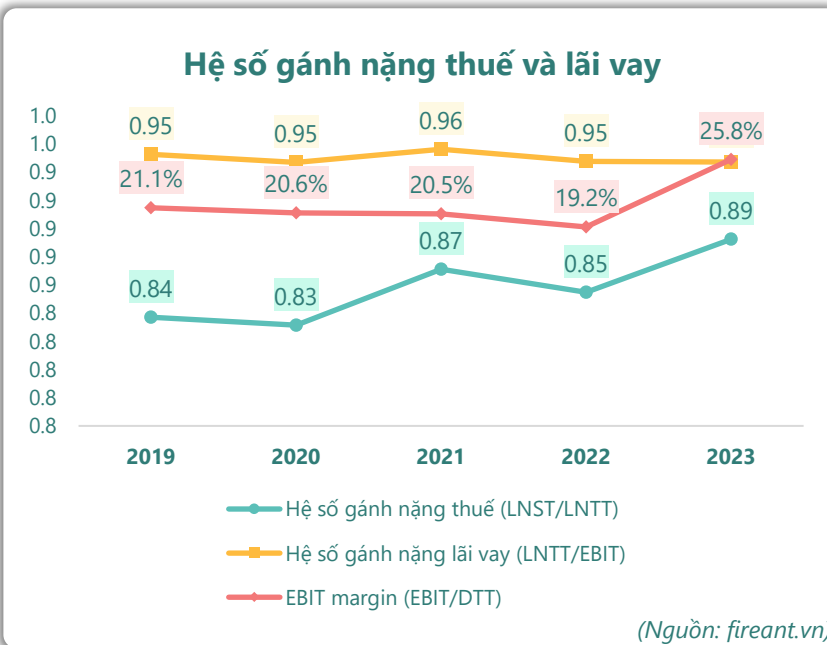
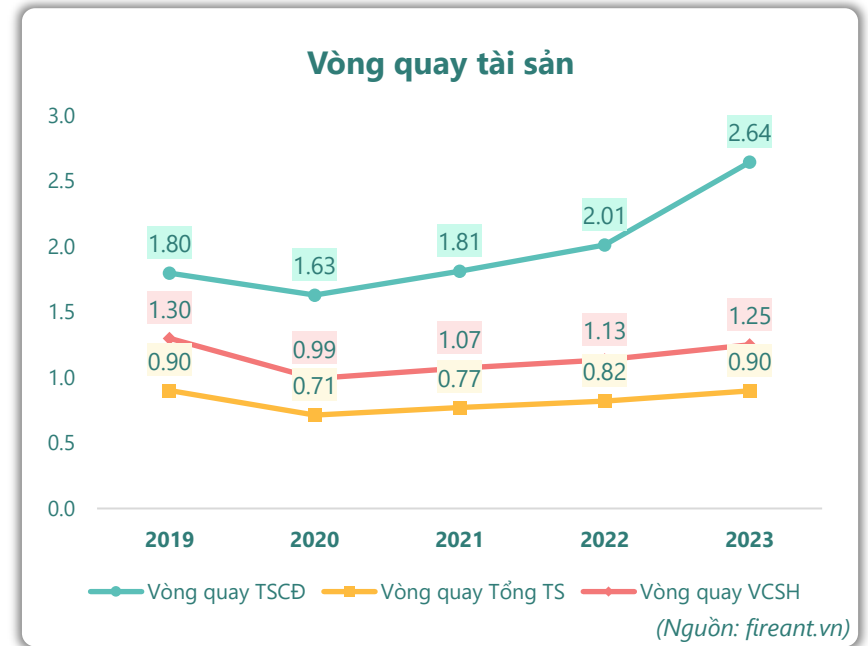
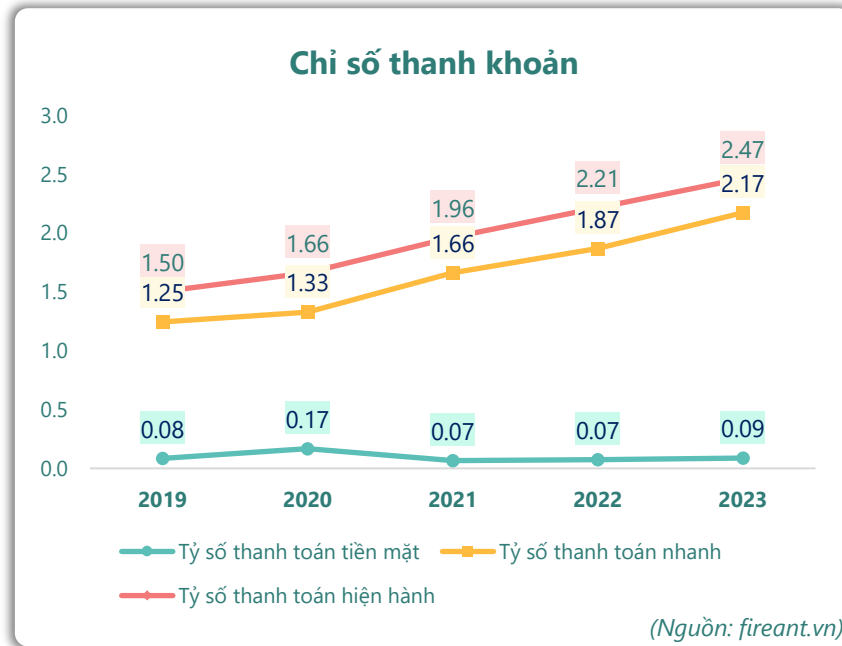
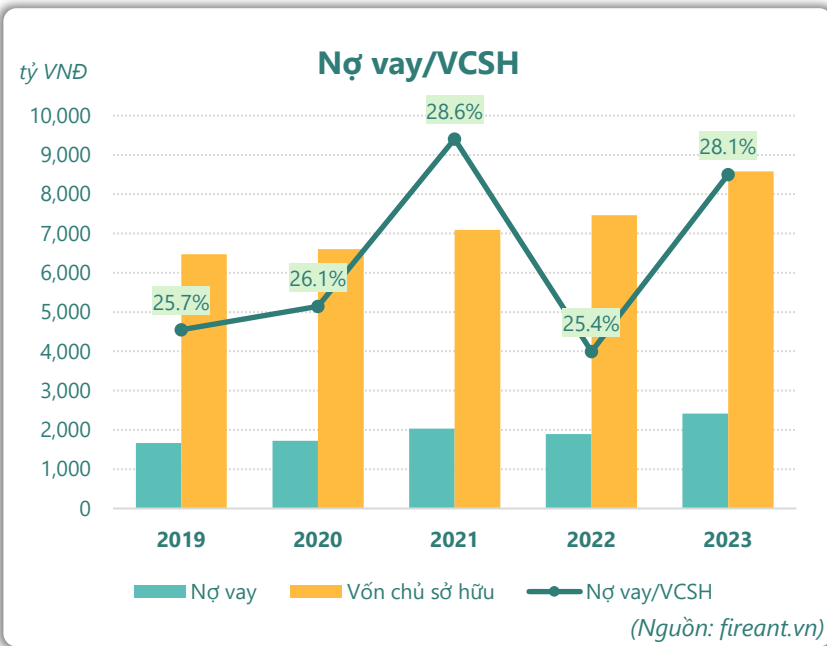
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,522	2,130	18.4%	10,021	8,255	21.4%
Giá vốn hàng bán	1,715	1,534	11.8%	6,670	5,796	15.1%
Lợi nhuận gộp	808	596	35.5%	3,351	2,459	36.3%
Doanh thu HĐTC	67.3	71.4	-5.7%	341	191	78.3%
Chi phí TC	27.4	38.4	-28.6%	139	83.7	65.9%
Chi phí lãi vay	27.3	38.0	-28.0%	136	83.2	63.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	206	211	-2.3%	805	868	-7.2%
Chi phí QLDN	62.6	62.7	-0.2%	391	232	68.6%
LN thuần từ HĐKD	579	356	62.6%	2,356	1,466	60.7%
Lợi nhuận khác	0.27	0.98	-72.4%	91.1	39.4	131%
LN trước thuế	579	357	62.2%	2,447	1,505	62.5%
Lợi nhuận sau thuế	532	317	67.8%	2,183	1,287	69.7%
LNST của CĐ cty mẹ	532	317	67.8%	2,183	1,287	69.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-76.1	-417	1,148	1,441	236	-81.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-500	-553	-292	-190	-747	-587
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	710	1,098	-887	-1,319	568	920
Tiền đầu kỳ	69.0	203	331	300	233	289
Lưu chuyển tiền thuần	134	128	-31.0	-67.4	56.9	252
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.65	0	-0.01	0.01	-0.18	0
Tiền cuối kỳ	203	331	300	233	289	541

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	13,577	12,053	12.7%
Tài sản ngắn hạn	9,852	8,093	21.7%
Tiền và tương đương tiền	541	289	87.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6,760	6,165	9.7%
Phải thu ngắn hạn	655	661	-1.0%
Hàng tồn kho	1,861	958	94.2%
Tài sản ngắn hạn khác	34.7	19.1	81.4%
Tài sản dài hạn	3,725	3,959	-5.9%
Phải thu dài hạn	0.79	0.79	0.0%
Tài sản cố định	3,442	3,666	-6.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	57.8	53.5	8.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	225	239	-6.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,788	3,472	37.9%
Nợ ngắn hạn	4,598	3,281	40.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,632	2,411	50.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	377	456	-17.3%
Nợ dài hạn	191	191	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	8,789	8,581	2.4%
Vốn chủ sở hữu	8,789	8,581	2.4%
Vốn điều lệ	3,569	3,569	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

